

THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

CÔNG THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI - WWW.VIETNAMEXPORT.COM

2014



MỤC LỤC

Phần 1. TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN.....	2
1. Giới thiệu về Nhật Bản.....	2
2. Quan hệ thương mại Việt Nam – Nhật Bản.....	5
Phần 2. QUY ĐỊNH NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀO NHẬT BẢN.....	10
1. Thủ tục nhập khẩu hàng hóa vào Nhật Bản.....	10
2. Thủ tục mở văn phòng đại diện tại Nhật Bản.....	14
3. Một số điểm cần lưu ý khi kinh doanh tại Nhật Bản.....	15
Phần 3. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH.....	171
1. Các cơ quan đại diện thương mại.....	172
2. Một số nhà nhập khẩu.....	183

Phần 1. TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG NHẬT BẢN

1. Giới thiệu về Nhật Bản

a. Tình hình chung

Theo Reuters, GDP của Nhật Bản đã giảm 7.1% vào quý II, tồi tệ hơn so với dự báo trước đó là 6.8%, đây là mức giảm lớn nhất kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2009, cuộc khủng hoảng đã tác động mạnh tới xuất khẩu của Nhật Bản.

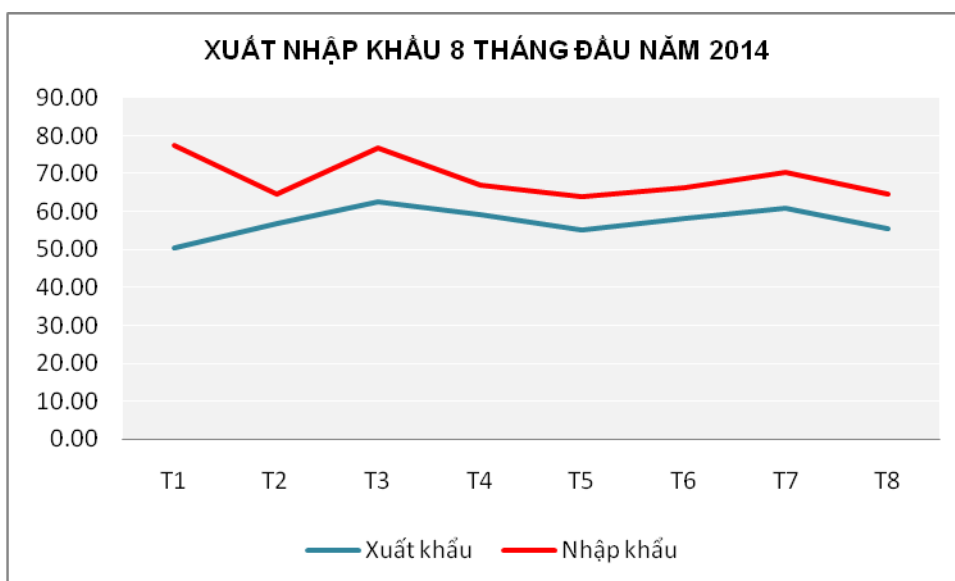
Kim ngạch xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm của Nhật Bản đạt 458.8 tỷ USD, trong khi nhập khẩu đạt 551.18 tỷ USD, thặng dư thương mại âm. Theo các nhà phân tích, xuất khẩu được kỳ vọng có thể có chuyển biến tốt đẹp vào quý III, nhưng nhập khẩu có thể mở rộng hơn và thặng dư thương mại sẽ tiếp tục âm.

Chính phủ nỗ lực cải cách nền kinh tế bằng cách giữ nợ công ở mức cao, tăng thuế doanh thu. Nhưng chính sách này dường như đã thất bại, việc tăng thuế càng khiến người tiêu dùng giảm chi tiêu, điều này đã ảnh hưởng lớn tới chi tiêu dùng cá nhân – vốn chiếm 60% GDP. Ngoài ra, tiền lương thực tế cũng giảm 3.2% trong quý II/2013, bất chấp nỗ lực của Chính phủ thuyết phục các công ty tăng lương.

Tình hình xuất nhập khẩu của Nhật Bản

Đơn vị: tỷ USD

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8
Xuất khẩu	50.49	56.80	62.43	59.20	55.06	58.22	60.92	55.45
Nhập khẩu	77.36	64.68	76.62	67.15	64.01	66.29	70.39	64.68
Tổng kim ngạch	127.85	121.48	139.05	126.36	119.07	124.51	131.31	120.13
Thặng dư	-26.87	-7.88	-14.19	-7.95	-8.94	-8.07	-9.47	-9.23



Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại thế giới

Xu hướng xuất nhập khẩu của Nhật Bản

Từ sau năm 2009, kinh tế Nhật Bản tiếp tục ở tình trạng trì trệ, thặng dư thương mại liên tục âm trong Quý II trong vòng 4 năm qua. Xuất nhập khẩu chậm chạp, thậm chí kim ngạch giảm mạnh trong quý II/2013 và tiếp tục giảm trong năm 2014.

Bên cạnh sự trì trệ của nền kinh tế, sự thay đổi liên tục của cơ sở sản xuất nước ngoài đã tác động đến sự xuất khẩu trong nước. Trong khi nền kinh tế Mỹ và các nước châu Á khác đang từng bước phục hồi thì Nhật Bản vẫn đang trong tình trạng trì trệ, điều này khiến các nhà sản xuất của nước không dám đầu tư, mở rộng sản xuất và họ đang mất dần thị phần trên thị trường thế giới. Bên cạnh đó, đồng Yên mất giá, xăng dầu tăng cao đã làm tăng giá trị nhập khẩu.

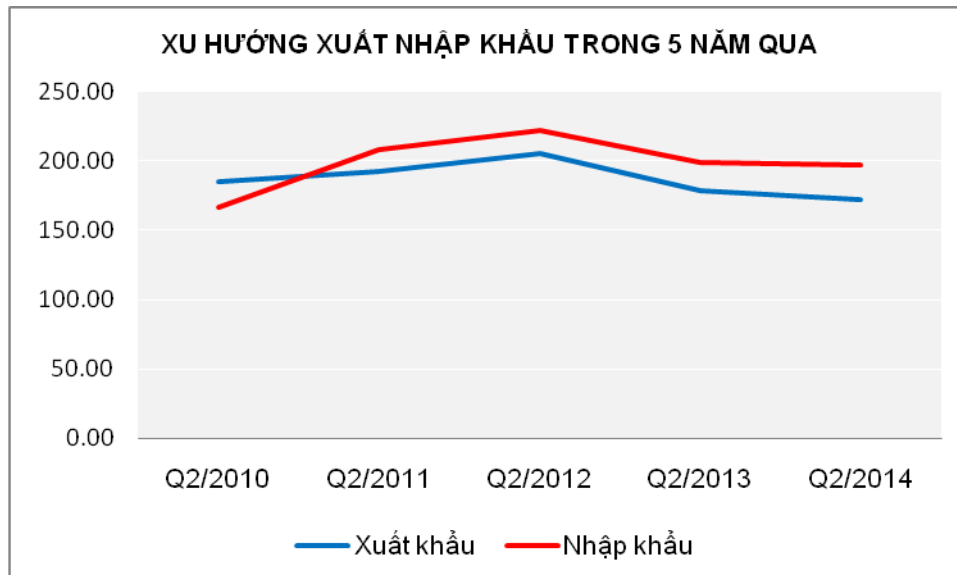
Trong quý III, Thủ tướng Nhật tiếp tục có những động thái mạnh mẽ nhằm giảm chi tiêu công, ổn định nợ công, tăng thuế nhằm khuyến khích doanh nghiệp về khả năng cải cách nền kinh tế, tuy nhiên việc tăng thuế cũng ảnh hưởng mạnh tới chi tiêu dùng cá nhân. Mặc dù vậy, các nhà phân tích cho rằng, nền kinh tế Nhật Bản có thể sẽ có những chuyển biến tốt đẹp trong quý III song xuất khẩu vẫn chưa thể thực sự khởi sắc.

Xu hướng xuất nhập khẩu của Nhật Bản trong 5 năm qua

Đơn vị: tỷ USD

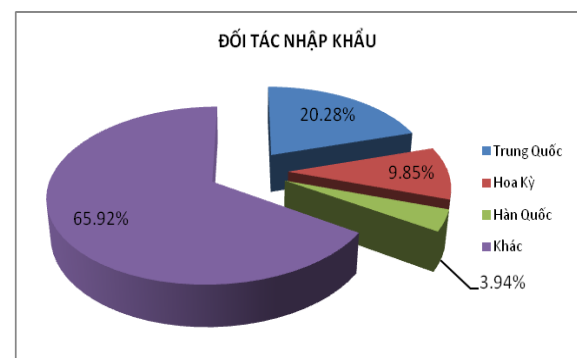
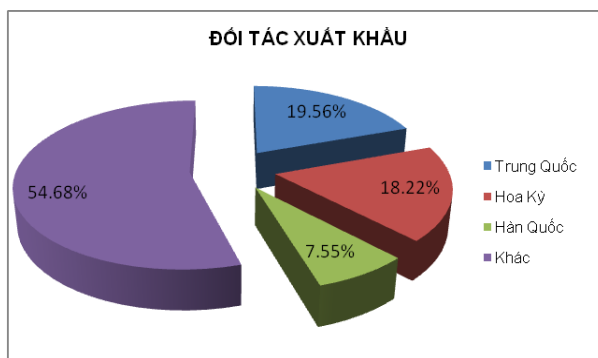
	Q2/2010	Q2/2011	Q2/2012	Q2/2013	Q2/2014
Xuất khẩu	185.28	192.43	205.28	178.45	172.49
Nhập khẩu	166.74	207.99	222.33	199.27	197.45
Tổng kim ngạch	352.01	400.42	427.60	377.73	369.94
Thặng dư	18.54	-15.55	-17.05	-20.82	-24.96
Tăng trưởng xuất khẩu		3.86	6.67	-13.07	-3.34
Tăng trưởng nhập khẩu		24.74	6.89	-10.37	-0.91

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại thế giới



Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm Thương mại thế giới

b. Tình hình xuất khẩu khẩu với các đối tác thương mại chính



Các đối tác xuất nhập khẩu chính của Nhật Bản gồm có Trung Quốc, Hoa Kỳ và Hàn Quốc. Trong đó, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Nhật Bản. Cả về xuất khẩu và nhập khẩu, Trung Quốc đều chiếm tỉ trọng cao nhất. Kim ngạch xuất khẩu của Nhật Bản sang Trung Quốc chiếm 19.56% tổng kim ngạch xuất khẩu của Nhật Bản, trong khi kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc chiếm 20.28% tổng kim ngạch nhập khẩu của Nhật Bản. Các mặt hàng xuất khẩu chính sang Trung Quốc gồm có ô tô có dung tích xi lanh từ 1500 cc-3000cc, thiết bị quang học, thiết bị lưu trữ, máy điều khiển, camera kỹ thuật số... Và nhập khẩu lại các mặt hàng máy tính xách tay, điện thoại và linh kiện điện thoại, hàng dệt may, giày dép, đồ nhựa,...

Đứng thứ 2 là Hoa Kỳ với kim ngạch xuất khẩu chiếm 19.56%, kim ngạch nhập khẩu chiếm 9.85%. Các mặt hàng xuất khẩu chính sang Hoa Kỳ gồm ô tô các loại, máy in và các linh kiện máy in, camera kỹ thuật số, pin sạc,... và nhập khẩu lại máy bay loại nhẹ, thuốc, các bộ phận máy bay, ngô, đậu nành, thịt lợn...

Cuối cùng là Hàn Quốc với kim ngạch xuất khẩu chiếm 7.55% và kim ngạch nhập khẩu chiếm 3.94%. Các mặt hàng xuất khẩu hóa chất hữu cơ, tấm vật liệu nhựa, vật liệu phân cực, sợi quang học... Và nhập khẩu lại điện thoại di động, linh kiện điện thoại, xăng nhẹ, thiết bị lưu trữ, thuốc lá, sắt thép...

Mặt hàng nhập khẩu chính của Nhật Bản

Đơn vị: triệu USD

HS	Mặt hàng	Kim ngạch tháng 8/2014
300490	Dược phẩm theo đơn	1024.199
'999999	Hàng hóa đặc biệt	809.758
854239	Mạch điện tử tích hợp	780.989
854140	Thiết bị bán dẫn cảm quang, kể cả tế bào quang điện đã hoặc chưa lắp ráp thành các mảng module hoặc thành bảng; điốt phát sáng	660.031
'847130	Máy tính xách tay dưới 10kg	540.229
870323	Ô tô có dung tích xi lanh trên 1500 cc dưới 3000 cc	410.099
851762	Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, kể cả thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến	406.227
880240	Máy bay và phương tiện bay khác, có trọng lượng không tải trên 15.000kg	372.05
854231	Đơn vị xử lý và đơn vị điều khiển, có hoặc không kết hợp với bộ nhớ, bộ chuyển đổi, mạch logic, khuếch đại, đồng hồ và mạch định giờ, hoặc các mạch khác	361.497
851712	Điện thoại di động (telephones for cellular networks) hoặc điện thoại dùng cho mạng không dây khác	342.986
300210	Kháng huyết thanh và các sản phẩm khác của máu và các chế phẩm miễn dịch, có hoặc không cải biến hoặc thu được từ quy trình công nghệ sinh học:	331.057
'100590	Ngô	329.069
611030	Áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy (cardigan), gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc từ sợi nhân tạo	314.238
854430	Dây điện sử dụng cho hệ thống điện của xe có động cơ	308.785
240220	Thuốc lá điếu làm từ lá thuốc lá	303.16
020329	Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh	251.914
'870324	Ô tô có dung tích xi lanh trên 3000cc	240.034

HS	Mặt hàng	Kim ngạch tháng 8/2014
851770	Bộ phận của điện thoại, kể cả điện thoại di động (telephones for cellular networks) hoặc điện thoại dùng cho mạng không dây khác	223.978
854232	Thẻ nhớ	205.764

Nguồn: tính toán theo số liệu Trung tâm thương mại quốc tế

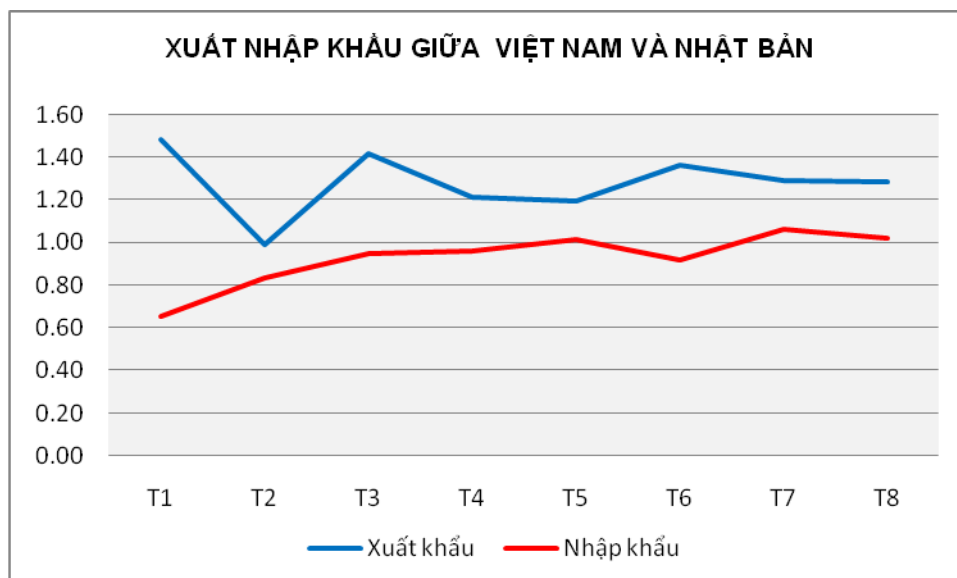
2. Quan hệ thương mại Việt Nam – Nhật Bản

Nhật Bản vẫn luôn là thị trường thương mại quan trọng của Việt Nam, chiếm tỷ trọng lên đến 10% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với tất cả các thị trường trên thế giới. Trong 10 tháng đầu năm 2014 xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản đạt 10.23 tỷ USD, nhập khẩu đạt 7.4 tỷ USD, thặng dư thương mại dương.

Kim ngạch hai chiều giữa Việt Nam và Nhật Bản

Đơn vị: tỷ USD

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8
Xuất khẩu	1.48	0.99	1.41	1.21	1.19	1.36	1.29	1.28
Nhập khẩu	0.65	0.83	0.95	0.96	1.01	0.92	1.06	1.02
Tổng kim ngạch	2.13	1.82	2.36	2.17	2.21	2.28	2.35	2.30
Thặng dư	0.83	0.16	0.47	0.25	0.18	0.44	0.23	0.27



Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

Trong quý II/2014 xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản đạt 3.76 tỷ USD, nhập khẩu đạt 2.88 tỷ USD, thặng dư thương mại dương. Trong vòng 5 năm qua, tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Nhật Bản tương đối ổn định với kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản liên tục tăng với tốc độ cao, tuy nhiên năm 2013 có sụt giảm do tình hình kinh tế Nhật Bản lao dốc, các doanh nghiệp không mở rộng đầu tư và chi tiêu dùng cũng bị thắt chặt.

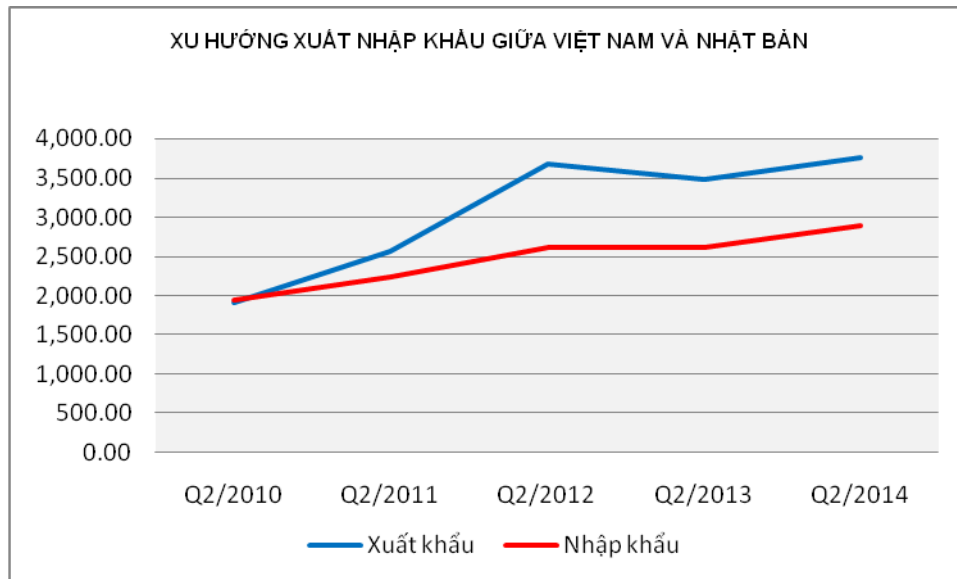
Các nhóm hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản bao gồm: hàng dệt may, máy móc thiết bị dụng cụ & phụ tùng, hàng thủy sản, gỗ & sản phẩm gỗ, sản phẩm từ chất dẻo, máy vi tính sản phẩm điện tử & linh kiện,... Trong đó mặt hàng áo khoác mỏng, giày dép, đồ gỗ nguyên liệu, mạch in... có tốc độ tăng trưởng cao trên 20%. Mặt hàng tôm vốn được cho là có nhiều triển vọng tại thị trường Nhật Bản lại giảm sút do quyết định kiểm tra 100% kháng sinh Oxytetracycline (OTC) từ phía Nhật Bản

Việt Nam nhập khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Nhật Bản chủ yếu là máy móc thiết bị dụng cụ & phụ tùng, máy vi tính sản phẩm điện tử & linh kiện, sắt thép & sản phẩm từ sắt thép, nguyên phụ liệu ngành dệt may da giày, sản phẩm từ chất dẻo.

Xu hướng xuất nhập khẩu giữa Việt Nam – Nhật Bản 5 năm qua

Đơn vị: triệu USD

	Q2/2010	Q2/2011	Q2/2012	Q2/2013	Q2/2014
Xuất khẩu	1,905.12	2,566.14	3,681.68	3,481.46	3,763.54
Nhập khẩu	1,937.79	2,230.77	2,607.16	2,615.12	2,889.92
Tổng kim ngạch	3,842.91	4,796.90	6,288.84	6,096.58	6,653.46
Thặng dư	-32.67	335.37	1,074.53	866.34	873.63
Tăng trưởng xuất khẩu		34.70	43.47	-5.44	8.10
Tăng trưởng nhập khẩu		15.12	16.87	0.31	10.51



Nguồn: tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

Mặt hàng chính của Việt Nam xuất sang Nhật Bản

Đơn vị: triệu USD, %

HS	Mặt hàng	T8/2014	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước
854430	Dây điện sử dụng cho hệ thống điện của xe có động cơ	106.94	-3.65
440122	Gỗ nhiên liệu, dạng khúc, thanh nhỏ, cành, bó hoặc các dạng tương tự; vỏ bào, dăm gỗ; phế liệu gỗ và mùn cưa, đã hoặc chưa đóng thành khối, bánh, viên hoặc các dạng tương tự từ cây không thuộc lá kim	48.42	64.50
030617	Tôm shrimps và tôm prawn khác (tôm xù, tôm càng xanh, tôm thẻ chân trắng)	41.15	-6.60
848180	Van dùng cho sấm	27.12	28.35
611030	Áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy (cardigan), gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc từ sợi nhân tạo	22.26	41.46
870840	Hộp số và bộ phận của chúng	21.19	11.95
940360	Đồ nội thất bằng gỗ khác	20.49	-6.91
160521	Tôm shrimp và tôm prawn không đóng hộp kín khí	18.36	-1.15
420292	Hòm valy, cặp tài liệu...Mặt ngoài bằng plastic hoặc vật	17.02	9.35

HS	Mặt hàng	T8/2014	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước
	liệu dệt		
'090111	Cà phê chưa rang chưa khử cafein	15.73	-9.04
640399	Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da thuộc	15.17	80.80
620343	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc từ sợi tổng hợp	13.77	23.97
610990	Áo phông, áo may ô và các loại áo lót cho nam giới hoặc trẻ em trai từ vải gai hoặc tơ tằm	13.71	25.20
620193	Áo khoác ngoài, áo choàng nam từ sợi nhân tạo	12.13	-13.72
630260	Khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp, từ vải dệt vòng lông hoặc các loại vải dệt vòng lông tương tự, từ sợi bông	12.06	2.45
611020	Áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy (cardigan), gi-lê và các mặt hàng tương tự từ bông	11.94	-22.04
'999999	Hàng hóa đặc biệt	11.48	-7.31
610910	Áo phông, áo may ô và các loại áo lót từ bông	11.33	27.83
853400	Mạch in	11.20	42.08
620342	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc từ bông	9.74	12.48

Nguồn: tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

Phần 2. QUY ĐỊNH NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀO NHẬT BẢN

1. Thủ tục nhập khẩu hàng hóa vào Nhật Bản

Thủ tục hải quan

Bất kỳ doanh nghiệp nào muốn nhập khẩu hàng hóa vào Nhật Bản đều phải khai báo thông tin với Tổng cục Hải quan và xin giấy phép nhập khẩu sau khi tiến hành các thủ tục kiểm hóa hàng hóa, chi phí vào khoảng 5,000 Yên cho một giờ kiểm hóa. Sau khi tiến hành kiểm tra, nhà nhập khẩu sẽ được cấp giấy phép nhập khẩu, chi phí cho mỗi bản copy vào khoảng 400 Yên (nếu khai trực tuyến chi phí sẽ là 300 Yên).

Các mặt hàng bị cấm nhập khẩu:

- Heroin, cocaine, MDMA, thuốc phiện, cần sa, các chất kích thích, chất hướng thần, và thuốc gây ngủ;
- Súng đạn và các bộ phận súng đạn;
- Vật liệu nổ (dynamite, thuốc súng,...);
- Tiền chất nguyên liệu cho vũ khí hóa học;
- Vi trùng có khả năng được sử dụng trong khủng bố sinh học;
- Tiền giả, các loại giấy tờ, chứng từ có giá giả mạo;
- Sách, bản vẽ và bài viết khác có thể làm hại sự an toàn công cộng hoặc ảnh hưởng tới đạo đức (nguyên vật liệu khiêu dâm hoặc trái với đạo đức, nội dung khiêu dâm, tranh ảnh khiêu dâm trẻ em);
- Những sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Về nguyên tắc, tờ khai nhập khẩu phải được khai bởi người nhập khẩu, xong việc này thường được các đại lý hoặc người được ủy nhiệm thực hiện.

Nhà nhập khẩu phải khai và nộp cho hải quan kèm theo các tài liệu sau theo mẫu C5020 của Hải quan

(http://www.customs.go.jp/kaisei/youshiki/form_C/C5020.pdf)

- Hoá đơn thương mại;
- Vận đơn;
- Giấy chứng nhận xuất xứ - CO (Doanh nghiệp Việt Nam làm mẫu AJ để được hưởng ưu đãi);
- Phiếu đóng gói, biên lai cước vận chuyển, giấy chứng nhận bảo hiểm,...và những giấy tờ liên quan cần thiết;

- Giấy phép, giấy chứng nhận,... mà các quy định, luật khác ngoài luật hải quan yêu cầu (áp dụng theo các quy định, luật liên quan);
- Giấy đề nghị miễn giảm các khoản phí, thuế trong đó mô tả chi tiết các thông tin cần thiết, các quy định, luật liên quan;
- Biên lai thuế hải quan (nếu hàng hóa thuộc diện chịu thuế).

Hóa đơn thương mại

Phải có tối thiểu 3 bản sao hóa đơn thương mại. Các hóa đơn cần phải được nhà cung cấp ký tên và bao gồm các chi tiết sau:

- Số nhãn và số thứ tự của bao gói;
- Thông tin mô tả về hàng hóa;
- Phí bảo hiểm và phí vận chuyển;
- Địa điểm và thời gian lập hóa đơn;
- Nơi đến và người nhận;
- Số hiệu phương tiện vận chuyển;
- Số seri giấy phép nhập khẩu;
- Các điều kiện của hợp đồng liên quan đến việc xác định giá trị hàng hóa.

Vận đơn

Đối với hàng hóa được gửi bằng đường biển, yêu cầu phải có tối thiểu 03 bản vận đơn gốc đã ký và 02 bản sao.

Đối với hàng hóa được gửi bằng đường hàng không, yêu cầu phải có 01 bản vận đơn gốc và 09 bản sao nhưng không có các điều lệ chặt chẽ áp dụng. Nếu số lượng vận chuyển thực tế vượt quá số lượng ghi trong đơn hàng, cần phải nêu rõ tên và địa chỉ của người được thông báo. Thông tin trong giấy ủy thác của người nhập khẩu thường chỉ mang tính danh nghĩa nhưng phải gồm có tên phương tiện vận chuyển, người nhận trung gian và người nhận cuối cùng, nhãn mác và số seri của thùng hàng, thông tin mô tả hàng hóa gồm toàn bộ khối lượng và kích thước theo hệ mét.

Giấy chứng nhận xuất xứ

Hiện nay, Nhật Bản và Việt Nam đã ký Hiệp định đối tác kinh tế, theo đó gần 80% hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam sẽ được hưởng thuế ưu đãi. Bộ Công Thương đã ban hành mẫu C/O AJ. Để hưởng ưu đãi, các doanh nghiệp có thể làm mẫu C/O trên khi xuất hàng hóa sang Nhật Bản.

Phiếu đóng gói

Yêu cầu 2 bản sao, chỉ rõ các thông số của hàng hóa, gồm cả thông tin về trọng lượng và kích thước của mỗi kiện hàng.

Giấy chứng nhận bảo hiểm

Giấy chứng nhận bảo hiểm có thể được yêu cầu nếu giấy kiểm tra hải quan không có hóa đơn được đề nghị (để xác định giá trị thuế/chất lượng). Trong trường hợp như vậy, các tài liệu khác ghi giá trị vận chuyển, mức phí bảo hiểm và bảng giá...có thể được yêu cầu.

Hàng hóa nhập khẩu vào thị trường Nhật Bản được kiểm soát bằng một hệ thống luật pháp tương đối chặt chẽ vì các lý do bảo vệ quyền lợi an ninh quốc gia, lợi ích kinh tế hoặc bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng. Các doanh nghiệp Việt Nam khi thâm nhập thị trường Nhật Bản cần tìm hiểu kỹ và tuân thủ nghiêm túc những quy định và luật về nhập khẩu của Nhật Bản.

Những mặt hàng yêu cầu giấy phép nhập khẩu phải tuân thủ các quy trình, quy định, luật của hải quan. Với một số mặt hàng nhập khẩu có hạn ngạch, nhà nhập khẩu phải xin hạn ngạch tại Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (Ministry of Economy, Trade and Industry - METI). Thủ tục nhập khẩu những mặt hàng thuộc loại nguyên liệu, chế biến thô hoặc bán thành phẩm thường thông thoáng và dễ dàng hơn.

Hàng hóa nhập khẩu vào Nhật Bản còn bị chi phối bởi hàng loạt các luật lệ và quy định về kiểm dịch, trách nhiệm của nhà sản xuất. Người kinh doanh sản phẩm phải bồi thường đối với các thiệt hại do bán cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng không đảm bảo. Sau đây là một số quy định luật pháp thương mại tiêu biểu và có ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ hàng hóa:

Luật vệ sinh thực phẩm

Hiện nay, Nhật Bản thường xuyên điều chỉnh Luật vệ sinh thực phẩm theo chiều hướng thắt chặt hơn, do người Nhật ngày càng có xu hướng yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm do lo ngại nguy cơ ngộ độc từ thực phẩm kém chất lượng. Luật vệ sinh thực phẩm quy định cho tất cả các thực phẩm và đồ uống tiêu dùng trên thị trường Nhật Bản. Hàng hóa được phân chia thành nhiều nhóm: các gia vị thực phẩm, các máy móc dùng để chế biến và bảo quản thực phẩm, các dụng cụ đựng và bao bì cho các gia vị cũng như cho thực phẩm, đồ chơi trẻ em và các chất tẩy rửa dùng cho việc làm sạch thực phẩm và đồ ăn. Các loại hàng này khi đưa vào sử dụng phải có giấy phép của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản.

Quy định về nhãn mác sản phẩm

Nghiêm cấm sử dụng rơm rạ làm chất liệu đóng gói hàng hóa vì người Nhật cho rằng rơm rạ là vật rất dễ là mầm gây bệnh truyền nhiễm, đồng thời đó cũng không phải là vật liệu tốt nhất để đảm bảo chất lượng sản phẩm. Khi giao hàng nên hỏi rõ người nhập khẩu về cách thức và quy cách đóng gói, bảo quản hàng hóa.

Hàng hóa xuất khẩu vào Nhật Bản được dán nhãn theo thông lệ thương mại, hàng hóa đã được dán mác ở nước xuất xứ rồi vẫn phải dán nhãn mác ghi bằng tiếng Nhật theo quy định của Nhật Bản ở vị trí dễ nhận biết hơn, bao gồm các thông tin:

- Thông tin về thành phần sản phẩm,

- Thông tin an toàn thực phẩm, các tiêu chuẩn được quy định bởi chính phủ,
- Thông tin cảnh báo người tiêu dùng,
- Thông tin hướng dẫn sử dụng,
- Thông tin về xuất xứ, thời hạn sử dụng và các thông tin khác...



Lưu ý: Khi xuất khẩu hàng rau quả nông sản sang Nhật Bản các doanh nghiệp Việt Nam cần phải biết đến tiêu chuẩn JAS (Japanese Agricultural Standards) có nghĩa là tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản. Các tiêu chuẩn này do Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật Bản (MAFF) xây dựng. Người Nhật có sự tín nhiệm rất cao với sản phẩm mang nhãn JAS. Hệ thống này áp dụng cho cả sản phẩm sản xuất trong

nước và nhập khẩu từ nước ngoài.

Mục tiêu của JAS dựa trên Luật Tiêu chuẩn hoá và Ghi nhãn riêng cho sản phẩm nông lâm nghiệp, gọi là Luật JAS. (Có thể truy cập vào địa chỉ sau để có luật này:

http://www.maff.go.jp/soshiki/syokuhin/hinshitu/organic/eng_yuki_top.htm

Luật này có mục tiêu là xây dựng các tiêu chuẩn thích hợp cho các sản phẩm nông lâm nghiệp và thông qua việc phổ biến các tiêu chuẩn này sẽ giúp cải tiến chất lượng của nông lâm sản, hợp lý hoá việc sản xuất, thúc đẩy việc thương mại sòng phẳng và đơn giản, hợp lý hoá việc sử dụng và tiêu dùng, đồng thời đảm bảo ghi nhãn riêng cho nông lâm sản để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lựa chọn của người tiêu dùng và thúc đẩy phúc lợi công cộng.

Hệ thống JAS gồm hai phần: "the Japanese Agricultural Standards (JAS) System" và "the Quality Labeling Standards Systems". "Hệ thống JAS" ("The JAS System") được thiết kế nhằm cho phép các sản phẩm đã qua kiểm tra dựa trên các tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật bản được mang biểu tượng JAS. "Hệ thống Tiêu chuẩn Ghi nhãn Chất lượng" ("the Quality Labeling Standards Systems") được thiết kế nhằm yêu cầu các nhà sản xuất và bán hàng phải dán nhãn sản phẩm của họ phù hợp với các tiêu chuẩn về Ghi nhãn Chất lượng. Hệ thống JAS quy định cho gần 100 loại sản phẩm với khoảng 350 tiêu chuẩn cho các mặt hàng thực phẩm và vật liệu gỗ xây dựng. Các tiêu chuẩn về Ghi nhãn chất lượng được áp dụng cho tất cả các loại thực phẩm. Theo các tiêu chuẩn này, đối với thực phẩm tươi phải có tên và nơi xuất xứ, với thực phẩm chế biến phải có tên, thành phần, hạn sử dụng v.v...Ngoài ra, hệ thống kiểm tra, chứng nhận và ghi nhãn cho sản phẩm thực phẩm hữu cơ cũng được xây dựng và tạo nên một nhãn riêng cho sản phẩm thực phẩm "hữu cơ".

Tiêu chuẩn JAS là các tiêu chí về chất lượng nông lâm sản như phân loại, thành phần cấu tạo, đặc tính hoặc về phương pháp sản xuất. Việc xây dựng, sửa đổi hoặc huỷ bỏ tiêu chuẩn JAS do sự quyết định của Ban Nghiên cứu về Tiêu chuẩn Lâm và Nông nghiệp gồm toàn các chuyên gia là các đại diện hoặc nhà nghiên cứu trong lĩnh vực tiêu dùng, sản xuất và phân phối. Các tiêu chuẩn quốc tế cũng được đưa ra cân nhắc. Tiêu chuẩn JAS phải được soát xét định kỳ 5 năm.

Về hệ thống chứng nhận, có hai phương pháp để được mang nhãn JAS: nhà sản xuất chọn một tổ chức phân loại đã được đăng ký (registered grading organization) hoặc họ tự tiến hành việc phân loại. Để có thể tự tiến hành việc phân loại và dán nhãn JAS, nhà sản xuất phải có được chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã được đăng ký. Theo sửa đổi luật tháng 7/1999, các tổ chức hải ngoại cũng có thể cung cấp dịch vụ phân loại và chứng nhận nếu tổ chức đó thoả mãn được cùng các điều kiện như các tổ chức trong nước (đối với nông sản và lâm sản, chỉ áp dụng cho những nước có hệ thống phân loại tương đương JAS mà danh sách được nêu trong Quy định của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp Nhật). Công ty hải ngoại có thể đăng ký với Bộ này để được đăng ký là tổ chức chứng nhận và phân loại ngoài nước. Việc này đã tạo nên cơ sở pháp lý cho các sản phẩm sản xuất ở hải ngoại được phân loại và cấp nhãn JAS bởi chính các công ty phân loại ở nước sở tại, đồng thời, các nhà sản xuất được công nhận bởi các tổ chức chứng nhận hải ngoại đã được đăng ký cũng có thể tự tiến hành các thủ tục và dán nhãn JAS.

2. Thủ tục mở văn phòng đại diện tại Nhật Bản

Thủ tục thành lập văn phòng đại diện tại Nhật Bản

- Người đại diện phải xin giấy chứng nhận cư trú và thị thực làm việc tại Nhật do Cục Quản lý Nhập cảnh thuộc Bộ Tư pháp cấp;
- Mở tài khoản ngân hàng;
- Thành lập văn phòng đại diện;
- Tuyển dụng từ hai nhân viên Nhật trở lên. Đăng ký các thông tin về nhân viên với cơ quan giám sát tiêu chuẩn lao động (labor standards inspection office), cơ quan an toàn lao động công cộng (public employment security office), và cơ quan bảo hiểm xã hội (social insurance office);
- Chức năng hoạt động của văn phòng đại diện;
- Cung cấp thông tin cho công ty mẹ tại nước sở tại;
- Quảng cáo và quảng bá;
- Nghiên cứu thị trường;
- Mua và lưu giữ tài sản cho công ty mẹ.

Thủ tục đăng ký thành lập chi nhánh tại Nhật Bản

- Nộp đơn "Đơn xin đăng ký thành lập văn phòng kinh doanh của công ty nước ngoài" tại Cục Tư Pháp;
- Giấy đăng ký kinh doanh tại nước sở tại hoặc giấy chứng nhận của các cơ quan có thẩm quyền;

Lưu ý: Các văn phòng đại diện không được phép tham gia vào các hoạt động kinh doanh. Văn phòng đại diện muốn tiến hành các hoạt động kinh doanh cần phải thực hiện các thủ tục xin thành lập chi nhánh hoặc thành lập công ty.

- Các tài liệu xác nhận trách nhiệm của người đại diện tại Nhật (chẳng hạn như thư bổ nhiệm của người nộp đơn hoặc hợp đồng);

- Quy chế của công ty hoặc những tài liệu tương tự nêu rõ mục tiêu kinh doanh của người nộp đơn.

Tất cả các tài liệu tiếng nước ngoài đều phải được dịch ra tiếng Nhật và đính kèm cùng tài liệu gốc.

Phải nộp đơn xin thay đổi cho bất kỳ một thay đổi nào của những nội dung đã đăng ký.

Phí đăng ký: áp dụng đối với trường hợp thành lập văn phòng kinh doanh của công ty nước ngoài vào khoảng 90,000 Yên cho một văn phòng.

Khi văn phòng kinh doanh thuê nhân viên và bắt đầu các hoạt động kinh doanh thì cần phải tuân thủ các điều khoản về luật lao động, bảo hiểm xã hội, luật công ty và luật thuế hiện hành, không những thế còn phải tuân thủ các điều khoản của bất kỳ bộ luật nào điều chỉnh ngành kinh doanh cụ thể (mà ngành kinh doanh đó yêu cầu phải có giấy phép cụ thể, giấy phê chuẩn, thông báo hoặc đăng ký, tùy thuộc vào ngành nghề kinh doanh có liên quan)

3. Một số điểm cần lưu ý khi kinh doanh tại Nhật Bản

Đối với một số sản phẩm thủ công mỹ nghệ, hàng dệt may của Việt Nam. Người Nhật đặc biệt coi trọng và ưa thích các sản phẩm đa dạng, tinh tế với hình thức đẹp, thể hiện được tính truyền thống cao, thao tác kỹ thuật tỉ mỉ. Họ có thể sẵn sàng trả giá cao nhưng đồng thời cũng yêu cầu cao về chất lượng và các dịch vụ hậu mãi sau bán hàng. Trước khi kinh doanh tại Nhật Bản nên nghiên cứu kỹ thị trường và văn hóa của người Nhật.

Người Nhật có thói quen ăn uống điều độ và dùng những thực phẩm có chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm cao, những mặt hàng thực phẩm bán chạy tại Nhật Bản hiện nay gồm:

- + Sản phẩm được hàn kín xác nhận sự an toàn.

- + Sản phẩm tốt cho sức khỏe (ít đường, calo thấp, không cholesterol, nhiều chất polyphenol, nhiều chất xơ).

- + Mẫu mã thiết kế công phu, nội dung hướng dẫn dễ hiểu.

- + Đối với các sản phẩm đóng hộp, nắp hộp phải thiết kế để có thể mở dễ dàng được ngay.

Ví dụ: Đũa của Việt Nam trưng bày tại các trung tâm Thương mại không được người tiêu dùng Nhật lựa chọn, nguyên nhân không phải vì chất lượng không tốt, mẫu mã không đẹp mà vì không phù hợp với văn hóa người Nhật. Trong gia đình người Nhật đũa của người chồng, người cha thường dài hơn một chút so với người dưới.

- + Kích thước nhỏ có thể dùng hết trong một lần cho một suất ăn.
- + Đóng gói riêng rẽ trong từng túi nhựa.
- + Có giá trị gia tăng ví dụ như thêm tính năng vào sản phẩm.

Giống như nhiều nước châu Á, người Nhật mang đậm nét truyền thống văn hóa theo đạo Khổng. Nhật Bản là xã hội rất có trật tự, trên dưới trước sau. Người Nhật đặc biệt đánh giá cao những đối tác khiêm tốn, giữ chữ tín. Người Nhật dễ chấp nhận người đối tác có mắc sai lầm, nhưng không chấp nhận việc lặp lại sai lầm mà chỉ chấp nhận ở tinh thần sửa chữa thể hiện ở kết quả cuối cùng.

Đối với nhân viên, với đối tác, người Nhật thường tạo điều kiện để phát huy hết khả năng, họ cũng thẳng thắn phê bình, khiển trách nhưng không tùy tiện, mà phê bình khiển trách thường là từ những người cao tuổi, có uy tín, được nhiều người kính trọng.

Khi gặp gỡ làm việc lần đầu bạn nên đến sớm hơn 5 phút, trong trường hợp đến muộn, phải báo trước và hẹn chính xác thời gian bạn sẽ có mặt, bạn nên mang theo danh thiếp để trao đổi, mang theo đầy đủ các tài liệu liên quan, cần chuẩn bị tài liệu thật cẩn thận, sạch sẽ với hình thức đẹp. Khi gặp gỡ lần đầu không nên tặng quà cho người Nhật, điều này không được người Nhật đánh giá cao, đôi lúc còn gây bối rối và hiểu lầm. Bước vào buổi gặp gỡ cũng không nên vội vã ngồi xuống bàn, vì người Nhật có cách thức xếp đặt chỗ ngồi riêng, nếu chưa biết rõ chỗ ngồi bạn nên hỏi để được hướng dẫn.

Tiếng Anh không được sử dụng rộng rãi trong đàm phán tại Nhật Bản, các cuộc đàm phán ở Nhật cũng thường diễn ra chậm, dù dùng bất cứ ngôn ngữ nào, bạn cũng nên nói chậm, rành mạch rõ ràng. Không nên nói không dứt khoát, chỉ nên từ chối bằng cách chuyển sang một vấn đề mới hoặc hứa bàn lại sau. Bạn nên chuẩn bị sẵn tài liệu ghi lại những điều khoản hai bên đã đàm phán, nêu rõ và ngắn gọn các điểm đã thống nhất giữa hai bên và sử dụng nó như bản ghi nhớ sau này, tránh trường hợp người Nhật có thể đưa ra những câu trả lời không rõ ràng sau này.

Phần 3. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

1. Các cơ quan đại diện thương mại

Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản

Địa chỉ 50-11, Motoyoyogi-cho Shibuya- ku Tokyo -Japan
Điện thoại 81- 346 63 313 , 346 63 314
Fax 81- 346 63 391, 346 67 652
Email vnembasy@blue.ocn.ne.jp

Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka

Địa chỉ Estate Bakurocho Building 10F, 1-4-10 Bakurocho Chuo-ku, Osaka 541
Điện thoại 81-66 263 1645, 263 1600
Fax 81-66 263 1770,263 1805
Email tlvnsosa@gold.ocn.ne.jp

Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản

Địa chỉ 50-11, Motoyoyogi-cho, Shibuya-ku, Tokyo 151-0062 - Japan
Điện thoại 81-3346-633158
Fax 81-3346-63360
Email jp@moit.gov.vn

Thương vụ Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản

Địa chỉ Room 406, Yamaguchikosan Nagahori Bldg, 1-3-9 Minamisenba,
Chuo-ku, Osaka, Japan
Điện thoại 81-6626-17462
Fax 81-6626-17461
Email osaka@moit.gov.vn; vntrade.osaka@violin.ocn.ne.jp

Tổ chức ngoại thương Nhật Bản

Địa chỉ Ark Mori Building, 6F 12-32, Akasaka 1-chome, Minato-ku, Tokyo
Mã bưu điện 107-6006
Điện thoại 81-03-3582-5511
Website www.jetro.go.jp

Bộ Kinh tế, thương mại và công nghiệp Nhật Bản

Địa chỉ 1-3-1 Kasumi igaseki, Chiyoda ku, Tokyo, 100-8901, Japan
Điện thoại 81-03-3501-1511
Website <http://www.meti.go.jp>

Tổng cục hải quan Nhật Bản

Địa chỉ Địa chỉ : 3-1-1 Kasumigaseki Chiyoda-ku Tokyo 100-8940, Japan
Website www.customs.go.jp

2. Danh sách nhà nhập khẩu

Thủy sản

Tên công ty C.G.C. JAPAN CO., LTD.
Địa chỉ 1-14, Okubo 2-chome, Shinjuku-ku, Tokyo
Theo dấu bưu điện 169-8531
Điện thoại 81-3-3203-1111
Fax 81-3-3207-1227
Email: k-takahashi@cgcjapan.co.jp

Tên công ty HANWA CO., LTD.
Địa chỉ 6-18-2 Ginza, Chuo-ku, Tokyo, Japan
Theo dấu bưu điện 104-8429
Điện thoại 81-3-3544-1867
Fax 81-3-3544-2360
Email: katori@hanwa.co.jp
Website <http://www.hanwa.co.jp>

Tên công ty KANERIKI BUSSAN CO., LTD
Địa chỉ 3-9, Ueno 7-chome, Taito-ku, Tokyo
Theo dấu bưu điện 110-0005
Điện thoại 81-3-3844-5515
Fax 81-3-3843-5395
Email: info@kaneriki.co.jp
Website <http://www.kaneriki.co.jp/indexe.html>

Tên công ty NEW ASIA TRADING CO., LTD
Địa chỉ 3-9-301, Senba Chuo 3-chome, Chuo-ku, Osaka
Theo dấu bưu điện 541-0055
Điện thoại 81-6-6245-0251
Fax 81-6-6245-0255
Email: newasia@sage.ocn.ne.jp

Tên công ty GPRSERVICE CO., LTD
Địa chỉ 5F, 4-43, Masagocho, Naka-ku, Yokohama Kanagawa, Yokohama
Theo dấu bưu điện 231-0016
Điện thoại 81-45-212-4514, 090-4175-1419
Fax 81-45-212-4515
Email: auto@gprservice.co.jp
Website <http://www.gprservice.co.jp/>

Tên công ty NICHIREI FRESH INC.
Địa chỉ 6-19-20 Tusukiji, Chuo-ku, Tokyo 104
Theo dấu bưu điện 104-8402
Điện thoại 81-3-3248-2203
Fax 81-3-3248-2159
Email: sugiyamak@nichirei.co.jp
Website <http://www.nichirei.co.jp>

Thực phẩm

Tên công ty: CHAT NOIR CO., LTD.
Địa chỉ: Tokyo
Điện thoại: 81 3-3964-8481
Fax: 81 3-3962-5721
Website: <http://www.chatnoir-jp.com>

Tên công ty: CHIBA SHOYU
Địa chỉ: Office Chiba
Điện thoại: 81 478-80-7180
Fax: 81 478-80-7181
Website: <http://www.chibashoyu.com/>

Tên công: CHOYA UMESHU CO.,LTD.
Địa chỉ: 160-1 Komagatani, Habikino city, Osaka 583-0841, Japan
Điện thoại: 81 72-956-0579
Fax: 81 72-956-5384
Website: <http://www.choya.com>

Tên công ty: CHUGAI SHOKUHIN CO., LTD.
Điện thoại 81 3-3545-2851
Fax: 81 3-3545-7541
Website: <http://www.chuugai.co.jp/index.html>

Tên công ty: CONFECTIONERY COMPANY FUJINOYA
Địa chỉ: Gifu Kutami Plateau Fujinoya Cake Shop, 2839, kutami, Yaotsu,
kamogun,gifu,505-0422
Điện thoại : 81 574-45-1892
Fax: 81 574-45-1280
Website: <http://www.fujinoya.net/>

Tên công ty: Cook Foods Co.,
Điện thoại: 81 3-5765-2260
Fax: 81 3-3798-8766

Website: <http://www.cook-foods.co.jp>

Tên công ty: CRALAY CO., LTD.

Địa chỉ: 1-3-11, Nakasone Higashi, Kokura Minami-ku, Kitakyushu City,
Fukuoka Pref. 800-0281

Điện thoại: 81-93-475-1111

Email: c-info@cralay.co.jp

Website: <http://www.cralay.co.jp>

Tên công ty: DAIEI BOUEKI KOUSHI

Điện thoại: 81 3-3234-5401

Fax: 81 3-3234-5412

Website: <http://www.daieitc.co.jp/products/index.html>

Tên công ty: DAIICHI BROILER CO.,LTD.

Điện thoại 81 178-28-2154

Fax: 81 178-28-2158

Email: ff-staff@foods.co.jp

Website: <http://www.foods.co.jp>

Tên công ty: DAIKA OSAKA SEIKA

Địa chỉ: Osaka

Điện thoại: 81 6-6469-5070

Fax: 81 6-6469-5071

Email: hkanri@osaka-daika.co.jp

Website: <http://www.osaka-daika.co.jp>

Tên công ty: DAIMARU KOGYO Ltd.

Địa chỉ: Yushutsu Seni Kaikan 3-4F, 3-4-9, Bingo-machi, Chuo-ku, Osaka, Japan

Điện thoại: 81 3-3820-9549

Fax: 81 3-3820-7669
Email: s_fujiwara@daimarukogyo.co.jp
Webstie: http://www.daimarukogyo.co.jp/en/index_e.html

Tên công ty FUJI TRADING CO., LTD
Địa chỉ 9-3, Shin-Yamashita 3-chome, Naka-ku, Yokohama
Theo dấu bưu điện 231-0801
Điện thoại 81-45-622-2989
Fax 81-45-623-7022
Email: import@fujitrading.co.jp
Website www.fujitrading.co.jp

Tên công ty S. ISHIMITSU & CO., LTD
Địa chỉ 4-40, Iwaya Minami-machi, Nada-ku, Hyogo
Theo dấu bưu điện 657-0856
Điện thoại 81-78-861-7791
Fax 81-78-882-1007
Email: k-sonia@ishimitsu.co.jp

Dệt may

Tên công ty: CHOURI Co., Ltd
Địa chỉ: 4-3, Horidome-cho 2-chome, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo 103-8652, Japan
Điện thoại: 81 3-3665-2131
Chi nhánh Việt Nam: 10TH FLOOR, GREEN STAR BLDG., 70 PHAM NGOC THACH ST. DIST.3
HO CHI MINH CITY, VIETNAM
Tel: (84)8-822-8773
Fax: (84)8-823-1417
Website: <http://www.chori.co.jp/>

Tên công ty: Mitsui Bussan Marketing Co., Ltd.

Địa chỉ : Bungei Shunju Building. 7th Floor, 3-23 Kioicho, Tokyo, Japan 1020094
Điện thoại : 81-90 9109 4315
Fax : 81-3 5213 9392
Email : yus.miyazaki@mitsui.com
Người liên lạc : Mr.Yusuke Miyazaki

Tên công ty: SUNNY CORPORATION
Địa chỉ : 1-10-5, Tatsumikita, Ikuno-Ku, Osaka, Japan 5440004
Điện thoại : 81-6 6757 8132
Fax : 81-6 6756 8088
Email : yuka@sunny-corp.co.jp

Quà tặng, mỹ phẩm

Tên công ty V. MANE FILS JAPAN, LTD
Địa chỉ Mita Building 4 F, Net 1,1 -4, 3 Chome Minatoku, Tokyo
Điện thoại 81-35765 7881
Fax 81-35765 3271
Website www.mane.co.jp

Tên công ty GLOBAL PRODUCT PLANNING CO.M, LTD
Địa chỉ 1-7-4, Kugayama, Suginami-ku, Tokyo
Điện thoại 81-3-3333-6144, 3333-6100
Fax 81-3-333-6132
Email: takeshi@global-pp.com
Website www.global.pp.com

Tên công ty JUPITER SHOP CHANNEL CO., LTD
Địa chỉ Kokkan Bldg 4th, 1-14-1 Shinkawa, Tokyo
Điện thoại 81-3-5541-6885
Fax 81-3-5541-6893
Email: Ichikawa-j@shopchannel.co.jp
Website www.shopch.jp